TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/11/2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

Ông Đinh Tình Thanh Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4200/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4864/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Huỳnh Bích T, sinh năm 1987; Địa chỉ: 163/24/3 đường T, Phường M, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Bùi Thế P, sinh năm 1987, Địa chỉ: Phòng 901 Chung cư 47.57 N, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Huỳnh Bích T trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn ông Bùi Thế P tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01 ngày 21 tháng 7 năm 2009. Trong quá trình chung sống, ông bà có ba con chung tên Bùi Phạm Nhật M, giới tính nam, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2010; Bùi Phạm Như Q, giới tính nữ, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2016 và Bùi Phạm Minh Q, giới tính nam, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2020.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó lại thường xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, hai bên đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả, đã sống ly thân gần một năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn, không thể quay lại chung sống nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về nuôi con: Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi ba con chung tên Bùi Phạm Nhật M, giới tính nam, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2010; Bùi Phạm Như Q, giới tính nữ, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2016 và Bùi Phạm Minh Q, giới tính nam, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2020. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Phòng 901 Chung cư 47.57 N, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01 ngày 21 tháng 7 năm 2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian giải quyết vụ

án, Tòa án đã triệu tập hoà giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng phía bị đơn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chứng tỏ bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn và đoàn tụ. Xét thấy sau khi kết hôn, cuộc sống chung không hạnh phúc do khác biệt về tính tình và lối sống, bị đơn không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên cãi vã, xung đột với vợ và bỏ đi khỏi nhà, nguyên đơn đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về nuôi con: Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 49 ngày 01/3/2010; bản sao giấy khai sinh số 49 ngày 16/3/2016 và bản sao giấy khai sinh số 201 ngày 19/11/2020 cùng của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Nguyên đơn và bị đơn có ba con chung là Bùi Phạm Nhật M, giới tính nam, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2010; Bùi Phạm Như Q, giới tính nữ, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2016 và Bùi Phạm Minh Q, giới tính nam, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2020. Nguyên đơn khai ba con chung hiện đang sống cùng nguyên đơn, bà mong muốn tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Tại bản khai, trẻ Bùi Phạm Nhật M có nguyện vọng sống với nguyên đơn trong trường hợp ba mẹ không sống chung với nhau. Xét nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung, bị đơn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi là phù hợp với quyền lợi mọi mặt của con, đúng quy định tại Điều 15, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2106 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Huỳnh Bích T

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Huỳnh Bích T được ly hôn với ông Bùi Thế P. (Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01 ngày 21 tháng 7 năm 2009 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

Về nuôi con: Giao ba con chung là Bùi Phạm Nhật M, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2010; Bùi Phạm Như Q, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2016 và Bùi Phạm Minh Q, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2020 cho bà Phạm Huỳnh Bích T trực tiếp nuôi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Huỳnh Bích T không yêu cầu ông Bùi Thế P cấp dưỡng cho con.

Không ai được quyền cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của cha mẹ. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

2. Bà Phạm Huỳnh Bích T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2019/0030474 ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Bà Phạm Huỳnh Bích T, ông Bùi Thế P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh